

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2024
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Thịnh

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 180/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Cẩm T, sinh năm: 1995; Nơi cư trú: Số 23 đường số 6, khu dân cư S, đường D, phường F, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. (Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Tôn Vũ A, sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Thôn QP, xã CTN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Ông A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Cẩm T trình bày: Bà và ông Tôn Vũ A tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, chung sống và được Ủy ban nhân dân phường F, quận G, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 14/02/2020. Qua thời gian chung sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải được dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông A.

- Về con chung: Bà và ông Thành có 01 con chung Tôn Thành D, sinh ngày 12/8/2023. Bà yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi

con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng kể từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà và ông A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* *Tại bản tự khai ngày 22/4/2024, bị đơn ông Tôn Vũ A trình bày:*

Về hôn nhân: Quá trình tìm hiểu, kết hôn giữa ông và bà T đúng như bà T trình bày. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng không hợp tính tình dẫn đến xảy ra cãi vã nhưng ông Thành vẫn còn tình cảm với vợ nên bà T yêu cầu ly hôn ông A không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung đúng như bà T trình bày. Ông đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng kể từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán và Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Cẩm T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ án hôn nhân gia đình về “Ly hôn” mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R.

[1.2] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn bà Bùi Thị Cẩm T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn ông Tôn Vũ A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông A tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường F, quận G, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 14/02/2020 nên được công nhận là hôn

nhân hợp pháp. Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn, bị đơn không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn nên yêu cầu ly hôn với bị đơn. Như vậy, mục đích hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn với bị đơn.

[2.2] *Về con chung*: Bà T yêu cầu được nuôi con chung Tôn Thành D, sinh ngày 12/8/2023, ông A đồng ý. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu Danh còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao con chung cho bà T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng kể từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông A đồng ý. Xét: Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đồng thời Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông A về việc ông A đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà T. Do đó, căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình, ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng kể từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[2.3] *Về tài sản chung*: Nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí*: Bà T phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm cụ thể 300.000 đồng về “Ly hôn”. Ông A phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm cụ thể 300.000 đồng về “Cấp dưỡng nuôi con”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Cẩm T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Cẩm T được ly hôn ông Tôn Vũ A.

2. Về con chung: Giao con chung Tôn Thành D, sinh ngày 12/8/2023 cho bà Bùi Thị Cẩm T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tôn Vũ A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng kể từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp chăm sóc nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Cẩm T và ông Tôn Vũ A tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí:

4.1. Bà Bùi Thị Cẩm T phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm 300.000 đồng về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004510 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Vậy, bà Bùi Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

4.2. Ông Tôn Vũ A phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm cụ thể 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng về “Cấp dưỡng nuôi con”.

5. Quy định: Kể từ ngày bà Bùi Thị Cẩm T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu ông Tôn Vũ Thành không tự nguyện thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bà Bùi Thị Cẩm T, ông Tôn Vũ Thành có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND phường F, quận G, thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Công